

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.203

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h30

Ngày thi: 13/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0109	Bùi Văn Tâm	27/08/1999				
2	TA0110	Trương Văn Thắng	26/07/1999				
3	TA0111	Nguyễn Diệu Thanh	07/10/1999				
4	TA0112	Nguyễn Viết Thành	23/04/1999				
5	TA0113	Phùng Khánh Thành	24/07/1995				
6	TA0114	Tổng Văn Thao	24/11/1999				
7	TA0115	Cù Thị Phương Thảo	10/10/1999				
8	TA0116	Hoàng Thị Phương Thảo	27/04/1999				
9	TA0117	Hà Bách Thịnh	31/01/1999				
10	TA0118	Trần Đăng Thị Nh	11/11/1999				
11	TA0119	Đoàn Thị Thoan	10/12/1999				
12	TA0120	Nguyễn Thị Hoài Thương	26/03/1999				
13	TA0121	Đặng Đức Thương	18/02/1999				
14	TA0122	Nguyễn Quang Tiến	11/07/1999				
15	TA0123	Trịnh Ngọc Trâm	18/11/1999				
16	TA0124	Lò Thuỳ Trang	15/01/1999				
17	TA0125	Nguyễn Huyền Trang	03/11/1999				
18	TA0126	Tào Thuỳ Trinh	15/08/1999				
19	TA0127	Đỗ Minh Trung	25/07/1999				
20	TA0128	Đoàn Đức Trung	11/03/1998				
21	TA0129	Phạm Ngọc Trung	23/10/1999				
22	TA0130	Nguyễn Văn Trường	22/02/1999				
23	TA0131	Vương Tất Trường	01/07/1999				
24	TA0132	Nguyễn Trí Tuân	11/03/1998				

25	TA0133	Ma Văn Tuấn	20/05/1999				
26	TA0134	Nguyễn Quốc Tuấn	15/01/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)